

TẬP ĐOÀN
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM
**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG VITECO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ²⁰² VITECO-TH
V/v CBTT lựa chọn đơn vị
kiểm toán BCTC năm 2018

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2018

Kính gửi:

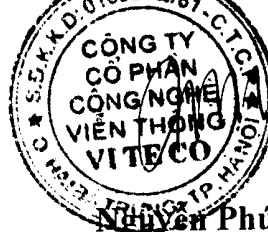
- Ủy ban chứng khoán nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Công nghệ Viễn thông VI TE CO.
2. Mã chứng khoán: VIE.
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 35/61 Lạc Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
4. Điện thoại: 04 36360058 Fax: 04 36360023
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Phú Hưng
6. Loại công bố thông tin: 24h
7. Nội dung công bố thông tin:

Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, Công ty cổ phần Công nghệ Viễn thông VI TE CO đã ký kết hợp đồng với Công ty TNHH kiểm toán VACO để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính Công ty năm 2018.

Chúng tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



Nguyễn Phú Hưng

2018CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 49 VACO/HĐKiT/JSC-NV2

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2018

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

**Kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
của Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Viteco**

Căn cứ Bộ Luật Dân sự của nước CHXHCN Việt Nam được thông qua ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Thương mại của nước CHXHCN Việt Nam được thông qua ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật kiểm toán độc lập của nước CHXHCN Việt Nam được thông qua ngày 29/03/2011;

Căn cứ vào Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/03/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;

Căn cứ vào Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;

Căn cứ vào thoả thuận đã được thống nhất giữa Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Viteco và Công ty TNHH Kiểm toán VACO về việc cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Viteco,

Hợp đồng này được lập tại Hà Nội bởi và giữa các Bên:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG VITECO

Đại diện là : Ông Nguyễn Tuấn Hòa

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Điện thoại : 84 436 360 658

Fax : 84 436 360 023

Địa chỉ : Số 35, ngõ 61 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Mã số thuế : 0100686181

BÊN B: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Đại diện là : Ông Lê Xuân Thắng

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

(theo Giấy ủy quyền số 161/VACO-UQ ngày 02/07/2018)

Điện thoại : 84 - 24 - 3 577 0781

Fax : 84 - 24 - 3 577 0787

Địa chỉ : Tầng 12A, Tòa nhà Tổng Công ty 319, số 63 Đường Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Tài khoản : 0011002835898

Tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch.

Mã số thuế : 0102546856

Điều 1: Nội dung dịch vụ

Bên B đồng ý cung cấp cho bên A dịch vụ soát xét báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2018 đến ngày 30/06/2018 và kiểm toán báo cáo tài chính của Bên A cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Điều 2: Luật định và Chuẩn mực

Soát xét báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2018 đến ngày 30/6/2018

Công việc của Bên B là soát xét bảng cân đối kế toán của Bên A lập tại ngày 30/06/2018, cũng như báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào ngày trên và thuyết minh báo cáo tài chính, theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện. Bên B không thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính này và do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính Dịch vụ soát xét của Bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra kết luận về báo cáo tài chính của Bên A.

Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét với mục đích tạo cơ sở để Bên B báo cáo xem liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hay không.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán.

Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của bên B không thể được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhầm lẫn hay các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo cho Bên A về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào mà Bên B phát hiện được.

Ban Giám đốc Bên A chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính. Trách nhiệm này yêu cầu Bên A phải tổ chức thực hiện công việc kế toán và thực hiện các thủ tục kiểm soát nội bộ thích hợp, cũng như việc chọn và áp dụng các chính sách kế toán. Trong khuôn khổ công tác soát xét, Bên B sẽ yêu cầu Ban Giám đốc Bên A giải trình về các cơ sở dẫn liệu của báo cáo tài chính và các vấn đề quan trọng khác.

Kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mục tiêu của cuộc kiểm toán là đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu báo cáo tài chính của Bên A được lập và trình bày theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Bên B sẽ lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có còn chứa đựng các

sai sót trọng yếu do nhầm lẫn hoặc gian lận hay không. Tuy nhiên, do bản chất của gian lận, một cuộc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện một cách hợp lý vẫn có thể sẽ không phát hiện được các sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán cũng không nhằm phát hiện các nhầm lẫn và gian lận không mang tính trọng yếu đối với cáo cáo tài chính cũng như không nhằm mục đích cung cấp một sự đảm bảo về hệ thống kiểm soát nội bộ hoặc phát hiện các vấn đề thiếu sót trong hệ thống kiểm soát nội bộ.

Việc đưa ra ý kiến kiểm toán cũng như việc trình bày ý kiến bằng văn bản của Bên B tất nhiên sẽ phụ thuộc vào tình hình thực tế tại ngày Bên B lập báo cáo. Nếu vì bất kỳ lý do nào mà Bên B không thể hoàn thành cuộc kiểm toán hoặc không thể đưa ra ý kiến kiểm toán thì Bên B sẽ thông báo cho Ban Giám đốc Bên A.

Điều 3:

Trách nhiệm của các Bên

Trách nhiệm của Bên A

Ban Giám đốc Bên A có trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán của bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc của bên A hiểu và thừa nhận có trách nhiệm (i) Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng; (ii) Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn; (iii) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho bên B: Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác; Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán; Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán.

Ngoài ra Ban Giám đốc Bên A có trách nhiệm thiết lập và thực hiện các chương trình và các thủ tục kiểm soát nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và có trách nhiệm thông báo cho Bên B về những gian lận, đã được phát hiện hoặc đang nghi ngờ, có ảnh hưởng đến Bên A liên quan đến (1) Ban Giám đốc, (2) những nhân viên có vai trò quan trọng trong hệ thống kiểm soát nội bộ, và (3) các trường hợp khác có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Bên A cũng có trách nhiệm thông báo cho Bên B nguyên nhân của các gian lận đã được phát hiện hoặc đang nghi ngờ có ảnh hưởng đến Bên A mà Ban Giám đốc biết được qua trao đổi với nhân viên đang công tác, các nhân viên đã nghỉ việc, các nhà phân tích, các cơ quan Nhà nước hoặc những cá nhân khác.

Ban Giám đốc có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Giám đốc, một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc bên A trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.

Bên B cũng sẽ yêu cầu Ban Giám đốc Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình Kiểm toán. Theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và thư giải trình của Ban Giám đốc Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về Báo cáo tài chính của Bên A. Vì tầm quan trọng của thư giải trình của Ban Giám đốc, Bên A đồng ý miễn trừ và bảo đảm cho Bên B và các nhân viên của họ khỏi các



trách nhiệm pháp lý và các chi phí có liên quan đến dịch vụ quy định tại hợp đồng này phát sinh do việc giải trình sai của Ban Giám đốc Bên A.

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của bên A.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho bên B theo quy định tại Điều 7 của hợp đồng này.

Trách nhiệm của Bên B

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.

Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.

Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và thu giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để bên B đưa ra ý kiến của mình về báo cáo tài chính của bên A.

Do bản chất và những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ, có những rủi ro khó tránh khỏi, ngoài khả năng của kiểm toán viên và công ty kiểm toán trong việc phát hiện hết sai sót.

Để đánh giá rủi ro, bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của bên A. Tuy nhiên, bên B sẽ thông báo tới bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào trong kiểm soát nội bộ mà bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính.

Điều 4: Báo cáo soát xét và báo cáo kiểm toán

Sau khi kết thúc cuộc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho bên A:

- Báo cáo tài chính đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2018;
- Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.

Mỗi bộ báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét nêu trên được thành lập **06** bản bằng tiếng Việt, Bên A giữ **05** bản, Bên B giữ **01** bản cho mỗi bộ báo cáo.

Báo cáo soát xét sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, pháp luật và quy định có liên quan.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập, Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 700, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Ngoài ra, Bên B sẽ phát hành ba (02) thư quản lý (nếu có) bằng tiếng Việt trình bày các vấn đề mà chúng tôi phát hiện qua quá trình kiểm toán cùng với các góp ý của chúng tôi để khắc phục các vấn đề này.

Điều 5: Sửa đổi và diễn giải mang tính hồi tố

Kết quả Kiểm toán của Bên B dựa trên các diễn giải của Bên A về các văn bản pháp luật, quy định và chuẩn mực, mà các diễn giải này có thể khác với cách diễn giải các văn bản pháp luật, quy định và chuẩn mực của các cơ quan đại diện luật pháp hay các cơ quan khác sau đó. Do đó, khả năng phải điều chỉnh có tính hồi tố trong các Báo cáo tài chính trong tương lai là không thể tránh khỏi. Rủi ro này được Bên A xác nhận.

Điều 6: Kế hoạch thực hiện kiểm toán

Bên B dự tính sẽ lập kế hoạch thực hiện kiểm toán như sau:

	Thời gian dự kiến bắt đầu thực hiện	Thời gian dự kiến kết thúc
Thực hiện soát xét BCTC 6 tháng đầu năm 2018		
Lập kế hoạch	Tháng 7/2018	Tháng 7/2018
Thực hiện các thủ tục soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018	Tháng 7/2018	Tháng 7/2018
Dự thảo báo cáo soát xét BCTC 6 tháng đầu năm 2018	Tháng 8/2018	Tháng 8/2018
Thực hiện kiểm toán cuối năm 2018		
Cập nhật kế hoạch	Tháng 1/2019	Tháng 1/2019
Tham gia chứng kiến kiểm kê ở thời điểm 31/12/2018	31/12/2018	31/12/2018
Thực hiện các thủ tục kiểm toán cuối năm	Tháng 3/2019	Tháng 3/2019
Lập báo cáo		
Dự thảo BCTC năm 2018	Tháng 3/2019	Tháng 3/2019
Phát hành báo cáo kiểm toán viên, thư quản lý (nếu có)	Tháng 3/2019	Tháng 3/2019

Điều 7: Phí dịch vụ và phương thức thanh toán

Tổng mức phí, đã bao gồm Thuế Giá trị gia tăng cho các dịch vụ nêu tại Điều 1 là **72.000.000 VND** (Bằng chữ: Bảy mươi hai triệu đồng chẵn). Mức phí trên được tính toán trên cơ sở trách nhiệm, kinh nghiệm và thời gian cần thiết để thực hiện công việc.

* Điều khoản thanh toán

Lần 1: Sau khi ký hợp đồng kiểm toán	50%
Lần 2: Ngay sau khi phát hành báo cáo kiểm toán cuối năm	50%
Tổng cộng	100%

Hóa đơn của Bên B sẽ được phát hành vào lần thanh toán cuối cùng, hóa đơn và giấy đề nghị thanh toán sẽ được thanh toán trong vòng 10 ngày kể từ ngày hai bên ký thanh lý hợp đồng. Phí dịch vụ sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Bên B bằng đồng Việt Nam.

Điều 8: Các dịch vụ khác

Các dịch vụ khác cung cấp ngoài các dịch vụ được nêu tại Điều 1 sẽ được tính riêng. Trong trường hợp Bên A cần Bên B cung cấp dịch vụ khác liên quan đến dịch vụ Kiểm toán, nội dung các dịch vụ này sẽ được trình bày thêm trong một phụ lục hợp đồng. Các dịch vụ không liên quan đến dịch vụ Kiểm toán sẽ được trình bày trong một hợp đồng riêng.

Điều 9: Các vấn đề về tính độc lập

Liên quan đến cuộc kiểm toán, Ban Giám đốc của Bên A và Bên B có vai trò và trách nhiệm trong việc bảo đảm tính độc lập của Bên B. Vì thế, Ban Giám đốc Bên A sẽ đảm bảo rằng Bên A có áp dụng các chính sách và các thủ tục nhằm mục đích đảm bảo Bên A sẽ không ký hợp đồng hay chấp thuận bất cứ dịch vụ nào khác từ Bên B mà theo các quy định hiện hành có thể gây ảnh hưởng đến tính độc lập của Bên B. Tất cả các dịch vụ mà Bên A có thể yêu cầu này cần được thảo luận trước với Bên B.

Ban Giám đốc Bên A sẽ phối hợp với Bên B nhằm đảm bảo rằng tính độc lập của Bên B không bị ảnh hưởng do Bên A tuyển dụng các Giám đốc, nhân viên nghiệp vụ cũ hoặc hiện tại của Bên B vào các vị trí chủ chốt của Bên A mà có khả năng dẫn đến việc vi phạm các quy định hiện hành về tính độc lập. Việc Bên A tuyển dụng các nhân viên cũ hoặc hiện tại của Bên B cần được thảo luận với Bên B trước khi Bên A tiến hành phỏng vấn tuyển dụng các nhân viên đó.

Nhằm tuân thủ các chuẩn mực và quy định của Việt Nam về tính độc lập, Bên A đồng ý cung cấp cho Bên B các thông tin bao gồm : (1) mô tả về cơ cấu của công ty trong đó xác định rõ tên gọi pháp lý của các công ty thành viên (ví dụ các công ty mẹ, các công ty con, các nhà đầu tư, các đơn vị nhận đầu tư), cùng với mô tả về mối quan hệ sở hữu giữa các đơn vị này, và (2) cổ phiếu và trái phiếu của công ty và các công ty thành viên hiện đang chào bán cho các nhà đầu tư riêng lẻ (thông qua thị trường chứng khoán, hoặc các thị trường tương tự khác, hoặc thông qua chào bán cổ phiếu, trái phiếu và các loại chứng khoán khác), cùng với các thông tin mô tả các loại chứng khoán liên quan (ví dụ ký hiệu loại chứng khoán).

Điều 10: Giới hạn và trách nhiệm bồi thường

Bên A đồng ý rằng mọi trách nhiệm của Bên B, thành viên ban giám đốc, nhân viên hay các đơn vị liên quan của Bên B đối với bất kỳ khoản lỗ, tổn thất, chi phí hay thiệt hại nào mà Bên A phải gánh chịu phát sinh liên quan đến hợp đồng, các dịch vụ hoặc công việc cho mục đích thực hiện hợp đồng, do bất kỳ nguyên nhân nào gây ra (bao gồm sự bất cẩn của Bên B nhưng không bao gồm những hành vi cố ý của Bên B), nếu được tòa án chứng thực, sẽ chỉ giới hạn trong khoản phí và Bên B nhận được tương xứng với phần dịch vụ hay sản phẩm công việc làm phát sinh trách nhiệm này.

Bên A đồng ý bảo đảm và bảo vệ Bên B, thành viên ban giám đốc, nhân viên và các đơn vị liên quan của Bên B khỏi, và đối với, bất kỳ và toàn bộ các chi phí, tổn thất, khiếu nại, yêu sách, kiện tụng, kiện cáo hay chi phí kiện tụng đã trả, đã phát sinh, hay đã chấp nhận (tùy thuộc từng tình huống cụ thể), do một bên thứ ba khởi kiện Bên B do hoặc liên quan đến hợp đồng này, hoặc do

việc sử dụng báo cáo kiểm toán do bất kỳ nguyên nhân nào gây ra (trừ trường hợp do hành vi gian lận hay hành vi sai trái cố ý của Bên B).

Bên A đồng ý rằng Bên B sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với Bên A về các tổn thất, chi phí, thiệt hại nếu các thông tin mang tính trọng yếu đối với các dịch vụ được thực hiện trong hợp đồng này bị bên thứ ba cung cấp thiếu, từ chối cung cấp, che đậy, cung cấp thông tin không đúng, không chính xác hoặc giải trình sai đối với Bên B.

Bên B không chịu trách nhiệm đối với bất cứ bên nào liên quan đến báo cáo kiểm toán hay bất kỳ sự tin cậy nào vào báo cáo kiểm toán, ngoại trừ trong trường hợp được pháp luật quy định rõ ràng (và trong trường hợp đó cũng tùy thuộc vào điều khoản giới hạn trên).

Điều 11: Những thuật ngữ chung

Nhà thầu độc lập. Bên B được hiểu thống nhất là một nhà thầu độc lập. Bên B không được coi và sẽ không được coi là một đại lý, một hội viên, một người uỷ thác hay đại diện của Bên A hoặc các cấp tương đương trong bộ máy quản lý của Bên A.

Sở hữu hồ sơ kiểm toán. Hồ sơ kiểm toán được lập trong quá trình Bên B thực hiện công việc là tài sản của Bên B. Hồ sơ này là các thông tin mật và thuộc quyền sở hữu của Bên B và được Bên B lưu trữ theo quy định và thủ tục của Bên B theo từng thời kỳ.

Sử dụng internet. Các Bên xác nhận rằng:

- (a) Các bên có thể liên lạc hoặc trao đổi tài liệu qua thư điện tử và/hoặc qua internet trừ phi một trong hai Bên có các yêu cầu khác; và
- (b) Các Bên chấp nhận các rủi ro tiềm tàng bao gồm rủi ro liên lạc bị ngăn chặn hoặc bị xâm nhập bất hợp pháp, bị sửa đổi làm sai lệch nội dung và bị vi-rút hoặc các thiết bị nguy hiểm khác tấn công. Do đó, các Bên sẽ kiểm tra vi-rút tất cả các thông tin liên lạc nhận hoặc gửi đi giữa hai Bên.

Giải trình và đảm bảo. Mỗi Bên giải trình và cam kết bảo đảm thực hiện với Bên kia các vấn đề sau:

- (a) Mỗi Bên là một đơn vị tồn tại thực sự và được thành lập hợp pháp, có đủ quyền hạn để thực hiện công việc kinh doanh như hiện tại, ký kết và thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này, và tuân thủ toàn bộ các yêu cầu do luật pháp quy định cũng như các yêu cầu khác liên quan đến công việc kinh doanh của mình; và
- (b) Mỗi Bên có đầy đủ quyền lợi, quyền hạn và năng lực pháp lý để ký kết và ràng buộc vào Hợp Đồng này

Cam kết và trường hợp bất khả kháng. Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản nêu trên. Trong trường hợp gặp khó khăn trong quá trình thực hiện hợp đồng, cả hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để trao đổi, tìm giải pháp thích hợp. Không một Bên nào bị xem là vi phạm trách nhiệm theo hợp đồng đã ký kết hay phát sinh nghĩa vụ với Bên kia nếu một Bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng do hậu quả của các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát hợp lý của mình. Trong trường hợp có một Bên bị ảnh hưởng bởi các sự kiện này, Bên đó phải có nghĩa vụ thông báo cho Bên kia trong thời gian sớm nhất có thể thực hiện được một cách hợp lý nhằm giúp Bên được thông báo có thể lựa chọn hoặc đình chỉ hoặc hủy bỏ Hợp Đồng bằng cách ra thông báo với hiệu lực ngay lập tức.

Giải quyết tranh chấp. Bất kỳ tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng sẽ được giải quyết trước tiên thông qua trao đổi trực tiếp. Nếu các bên không giải quyết được bằng thương thảo thì một trong các bên bị vi phạm có quyền khởi kiện tại tòa án nhân dân có thẩm quyền.

Chuyển giao trách nhiệm: Ngoại trừ những điều dưới đây, không một Bên nào được phân công, chuyển giao hoặc uỷ quyền quyền lợi và nghĩa vụ của mình liên quan đến hợp đồng này (bao gồm nhưng không giới hạn, quyền lợi hoặc những khiếu kiện liên quan đến hợp đồng này) mà không

được sự đồng ý chính thức bằng văn bản của các bên còn lại. Bên B có thể chuyển giao hoặc ký hợp đồng phụ chuyển giao quyền và nghĩa vụ của mình liên quan đến hợp đồng này tới bất cứ một Chi nhánh nào của mình tại Việt Nam hoặc nước ngoài.

Cung cấp thông tin. Bên A đồng ý cho phép Bên B cung cấp một số thông tin nhất định liên quan đến các dịch vụ đề cập trong hợp đồng này cho mục đích thảo luận chào hàng hoặc soạn thảo các tài liệu quảng cáo nói chung, với điều kiện là:

- (a) Khi soạn thảo thư chào hàng, Bên B chỉ được phép cung cấp tên của Bên A và diễn giải vắn tắt mô tả nội dung công việc, và
- (b) Khi soạn thảo các tài liệu quảng cáo chung, Bên B phải được sự đồng ý cụ thể của Bên A trước khi phát hành các tài liệu này.

Điều 12: Hiệu lực, ngôn ngữ và thời hạn của Hợp đồng

Hợp đồng này là toàn bộ những thỏa thuận giữa Bên A và Bên B và thay thế cho tất cả các thỏa thuận hiện tại và trước đây bằng văn bản hay không bằng văn bản liên quan đến hợp đồng này của hai Bên.

Hợp đồng này thiết lập sự thỏa thuận tổng thể và sự hiểu biết giữa các Bên về các nội dung trong hợp đồng. Mọi thay đổi trong nội dung của Hợp đồng này phải được lập bằng văn bản và chỉ có hiệu lực sau khi được ký bởi đại diện của hai Bên.

Mỗi điều khoản trong Hợp đồng này cấu thành từng điều khoản riêng biệt và độc lập. Nếu bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này bị xem là không có hiệu lực hoặc không thể thi hành được theo phán quyết của tòa án hay cơ quan có đủ quyền hạn pháp lý, thì các điều khoản còn lại của hợp đồng vẫn giữ nguyên giá trị hiệu lực.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản gốc. Bản hợp đồng này sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc hợp đồng hoặc khi có thỏa thuận hủy bỏ hợp đồng của cả hai Bên. Hợp đồng sẽ mặc nhiên thanh lý khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của mình trong hợp đồng này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
VIỄN THÔNG VITECO**



Nguyễn Tuấn Hòa
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO



Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc